

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22-02-2021

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Huy Xuân.
2. Bà Võ Lệ Huyền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Sành Nhộc M, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Chị M, anh Th vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn, chị Sành Nhộc M trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 04 năm thì chị M và anh Nguyễn Văn Th mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 06-02-2006 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến

năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh Th không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu, về nhà kiểm có gây gổ rồi đánh chị M. Nay, chị M yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị M xin được ly hôn với anh Th.

Về nuôi con chung: Chị M và anh Th có 02 người con chung là Nguyễn Trần Thanh H, sinh ngày 09-5-2007 và Nguyễn Trần Thanh H1, sinh ngày 25-12-2008; chị M có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 người con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do vì vậy không lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao 02 người con chung cho chị M được quyền nuôi dưỡng; anh Th không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị M và anh Th sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay chị M yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh Th là xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị M vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị M và anh Th trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06-02-2006 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị M là anh Th không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu rồi về nhà kiểm có gây gỗ, đánh đập chị M. Vào năm 2016 chị M quyết định ly thân. Trong thời gian này, chị M cùng hai người con chung chuyển ra ngoài để sinh sống. Chị M xác nhận vào năm 2019, chị có dẫn theo 02 người chung trở về sống chung nhưng được khoảng 04 tháng thì chị M quyết định không tiếp tục sống chung vì nhận thấy anh Th vẫn không sửa đổi, sống không có trách nhiệm với gia đình. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị M, Tòa án đã triệu tập anh Th để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng anh Th vẫn không đến. Ngoài ra, theo kết quả xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn giữa chị M và anh Th là có thật. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh Th ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị M được ly hôn với anh Th.

[2.2] Về nuôi con chung: Xét thấy, từ khi chị M và anh Th ly thân thì con chung là cháu Nguyễn Trần Thanh H, sinh ngày 09-5-2007 và Nguyễn Trần Thanh H1, sinh ngày 25-12-2008 do chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Nay, cháu H và cháu H1 đều đã đủ 07 tuổi, có nguyện vọng được sống với mẹ nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị M nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Sành Nhộc M và anh Nguyễn Văn Th.

2. Về nuôi con chung: Chị Sành Nhộc M và anh Nguyễn Văn Th có 02 người con chung là Nguyễn Trần Thanh H, sinh ngày 09-5-2007 và Nguyễn Trần Thanh H1, sinh ngày 25-12-2008;

Giao con chung Nguyễn Trần Thanh H, sinh ngày 09-5-2007 và Nguyễn Trần Thanh H1, sinh ngày 25-12-2008 cho chị Sành Nhộc M trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị Sành Nhộc M không yêu cầu anh Nguyễn Văn Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Chị Sành Nhộc M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0004749 ngày 07 tháng 7 năm 2020; chị Sành Nhộc M đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THADS H.Châu Đức;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Thị Thanh Nga